**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI 10 THÁNG NĂM 2021**

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2021**

**1. Bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước**

Trong 10 tháng năm 2021, kinh tế thế giới tiếp tục có những diễn biến rất nhanh, phức tạp và khó lường, yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen. Sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid - 19 với các biến chủng mới khó kiểm soát, có khả năng tác động lâu dài đến nền kinh tế thế giới, đặc biệt là các quốc gia khu vực châu Á làm thay đổi lại cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới; nhiều nước đã thay đổi định hướng, chiến lược phát triển kinh tế hướng tới nâng cao nội lực, thị trường trong nước, phát triển bền vững và thúc đẩy kinh tế số.

Tốc độ tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 trên thế giới tiếp tục được đẩy mạnh, tính đến ngày 25/10/2021, tổng cộng khoảng 6,8 tỷ liều vắc xin đã được tiêm, tương đương với 48,74% dân số thế giới, trong đó 37,34% dân số thế giới được tiêm đủ 2 liều vắc xin và 11,4% được tiêm 1 liều[[1]](#footnote-1). Phân phối vắc xin tiếp tục trong tình trạng không đồng đều, các nước có mức thu nhập cao có tốc độ tiêm chủng cao hơn 20% so với các nước có mức thu nhập thấp. Do đó, khả năng thế giới tiêm chủng được đầy đủ cho 75% dân số toàn cầu chỉ có thể đạt được ít nhất sau 6 tháng nữa.

Ở trong nước, đợt dịch Covid -19 bùng phát trở lại vào cuối tháng 4 đến nay đã tác động tiêu cực đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, đến phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng, có đóng góp lớn đối với nền kinh tế; một số khu công nghiệp, nơi tập trung lượng lớn lao động, có các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp nhiều cho phát triển kinh tế, thu ngân sách tại các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và các tỉnh, thành phía Nam… bị tạm dừng hoạt động, ảnh hưởng lớn tới các chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất, xuất khẩu; trong khi đó, giá một số mặt hàng nguyên vật liệu tăng cao, cước phí vận chuyển quốc tế tăng mạnh; các thị trường xuất khẩu sử dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế hàng hóa nhập khẩu... đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã nhận định đúng tình hình, quyết liệt chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra kịp thời, đúng hướng, hiệu quả; linh hoạt trong điều hành để hài hòa các mục tiêu trước mắt và lâu dài; phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo, quyết đoán để ngăn chặn, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, bảo vệ sức khỏe nhân dân, phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Để thực hiện mục tiêu vừa chống dịch hiệu quả, vừa khôi phục và phát triển kinh tế, Chính phủ đã thực hiện chiến lược tổng thể phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới. Ngày 11 tháng 10 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19” để thực hiện mục tiêu kép, vừa thực hiện phòng chống dịch hiệu quả, vừa khôi phục, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa cả nước chuyển sang trạng thái bình thường mới sớm nhất có thể, phấn đấu trong năm 2021.

Đến nay, Việt Nam đã có bước tiến khá nhanh trong công tác tiêm chủng (52,85% dân số được tiêm vaccine; trong đó: 21,44% dân số được tiêm đủ 2 liều vắc xin; 31,44% được tiêm 1 liều vắc xin), tỷ lệ này gần bằng mức của Thái Lan (đạt lần lượt là 54,52%, 37,85% và 16,67%).

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là tại các tỉnh phía Nam vẫn gặp nhiều khó khăn trong thực hiện phương án “3 tại chỗ” vì phải tổ chức thay đổi người lao động do thời gian kéo dài giãn cách xã hội, người lao động không tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp dẫn đến lực lượng lao động giảm. Doanh nghiệp cũng gặp khó khăn trong việc nhập nguyên vật liệu đầu vào và vận chuyển hàng hóa dẫn đến giảm sản lượng sản xuất. Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải chi trả các chi phí phát sinh phòng chống dịch (như chi phí xét nghiệm Covid-19 cho công nhân, chi phí mua sắm các trang thiết bị phòng dịch, thực hiện 3 tại chỗ...). Những khó khăn trên đã dẫn đến tình trạng một số doanh nghiệp chọn phương án tạm ngưng hoạt động.

Trên cơ sở quan điểm, định hướng chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã quán triệt, cụ thể hóa trong chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, đặc biệt là bám sát diễn biến dịch bệnh để linh hoạt trong điều hành, tập trung rà soát, tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, nhanh chóng những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề ra; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm huy động mọi nguồn lực cho phát triển. Tình hình phát triển ngành Công Thương trong 10 tháng năm 2021 như sau:

**2. Về sản xuất công nghiệp**

Trong tháng 10, tình hình dịch Covid-19 tại nhiều địa phương nhất là TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam đã có những chuyển biến tích cực. Nhiều địa phương đã nới lỏng các hoạt động so với thời gian thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 15/CT-TTg, Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và ban hành các quy định nhằm điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế trong trạng thái bình thường mới theo Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Do vậy, hoạt động sản xuất công nghiệp trong tháng 10 đã có những dấu hiệu phục hồi nhẹ khi *chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tháng* 10/2021 ước tính tăng 6,9% so với tháng trước nhưng vẫn giảm nhẹ (giảm 1,6%) so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 9% so với tháng trước nhưng giảm 7,2% so với cùng kỳ năm trước; Ngành chế biến, chế tạo tăng 6,7% so với tháng trước nhưng giảm 1,6% so với cùng kỳ; Sản xuất và phân phối điện tăng 7,5% so với tháng trước và tăng 2,4% so với cùng kỳ; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,7% so với tháng trước và tăng 1,5% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng năm 2021, IIP của toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 2,7% của cùng kỳ năm 2020 nhưng thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng 9,5% của cùng kỳ năm 2019. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 4,5% (cùng kỳ năm 2020 tăng 4,2%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,1% (cùng kỳ năm 2020 tăng 3,2%); ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,4% (cùng kỳ năm 2020 tăng 4,1%); riêng ngành khai khoáng giảm 7% (cùng kỳ năm 2020 giảm 8,1%).

*- Chỉ số sản xuất 10 tháng năm 2021 của một số ngành trọng điểm* *thuộc ngành công nghiệp cấp II tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước như*: Sản xuất kim loại tăng 25,1%; sản xuất xe có động cơ tăng 12,5%; Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 10,5%;

Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm sâu so với cùng kỳ năm trước, như: Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 13,3%; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm11,9%; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 8,8%; sản xuất đồ uống giảm 5,8%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 5,4%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 1,1%.

*- Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 10 tháng năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ năm trước*: Thép cán tăng 37,3%; sắt thép thô tăng 11,4%; đồng hồ thông minh, tăng 23,7%; linh kiện điện thoại tăng 38,8%; ô tô tăng 12,4%; khí hóa lỏng LPG tăng 14,1%; Xăng dầu các loại tăng 15,5%.

Ngược lại, một số sản phẩm giảm sâu so với cùng kỳ năm trước: Ti vi các loại giảm 40,4%; Khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 18,6%; Dầu thô khai thác giảm 6,9%; Đường kính giảm 9,6%; Bia các loại giảm 10%.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất công nghiệp tháng 10 đã dần hồi phục nhưng tính chung 10 tháng năm 2021 vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh. Vẫn còn một số địa phương tổ chức các biện pháp phòng chống dịch cao hơn quy định Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT của Bộ Y tế; Một số tỉnh như: Hà Nội, Tiền Giang, Cà mau... chậm ban hành các hướng dẫn đã gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc dần hồi phục các hoạt động sản xuất, đặc biệt là các khó khăn về lao động.

Việc xử lý, tháo gỡ, khôi phục sản xuất tại một số địa phương còn chưa được quan tâm đúng mức, hoạt động của doanh nghiệp đình trệ tác động đến phát triển sản xuất nói riêng và tăng trưởng nền kinh tế nói chung.

Từ tháng 11/2021, nếu đà kiểm soát dịch bệnh theo chiều hướng khả quan, các biện pháp hỗ trợ, khôi phục nền kinh tế được triển khai đồng bộ, khả năng sản xuất công nghiệp trong 02 tháng cuối năm sẽ có sự tăng trưởng cao hơn.

**3. Về xuất nhập khẩu**

**3.1. Về xuất khẩu**

*a) Về kim ngạch xuất khẩu:*

Tháng 10, xuất khẩu đã có dấu hiệu phục hồi, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 27,3 tỷ USD, tăng 1% so với tháng trước (kim ngạch xuất tháng 9 giảm 0,8% so với tháng 8), chỉ tăng 0,3% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 267,93 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước (9 tháng tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước). Trong đó, xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước ước tính đạt 69,77 tỷ USD, tăng 7,7% và chiếm 26,04% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; Khu vực kinh tế nước ngoài (kể cả dầu thô) ước tính đạt 198,16 tỷ USD, tăng 20,1% và chiếm tỷ trọng 73,96% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Khu vực kinh tế nước ngoài tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

***b) Về nhóm hàng và mặt hàng xuất khẩu***

- *Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản:*

Trong 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này ước tính đạt 22,33 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020 do sự gia tăng cả về lượng và giá xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản. Cụ thể, xuất khẩu sắn tăng tới 63,2% về trị giá và tăng 46,3% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước; xuất khẩu cao su mặc dù chỉ tăng 13,9% về lượng nhưng tăng tới 46,5% về trị giá xuất khẩu; xuất khẩu hạt tiêu mặc dù giảm 5,7% về lượng nhưng tăng tới 44,2% về trị giá xuất khẩu; xuất khẩu nhân điều tăng 14,1% về lượng và tăng 13,5% về trị giá; kim ngạch xuất khẩu rau quả tăng 8,7%...

Ngược lại, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước như: Thủy sản giảm 0,8%; chè các loại giảm 3,4%.

- *Nhóm hàng* *nhiên liệu, khoáng sản:*

Trong 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này ước đạt 2,89 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu than đá tăng mạnh cả về lượng và trị giá xuất khẩu (tăng 135,6% về lượng và 114,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020); Xuất khẩu xăng dầu các loại mặc dù chỉ tăng 4,3% về lượng nhưng do giá xuất khẩu tăng nên trị giá xuất khẩu xăng dầu tăng tới 43,7% so với cùng kỳ năm trước.

Ngược lại, xuất khẩu dầu thô sụt giảm mạnh về lượng (giảm 37,9%) nhưng chỉ giảm nhẹ về trị giá xuất khẩu so với cùng kỳ năm trước (giảm 0,1%). Xuất khẩu quặng và khoáng sản khác mặt dù tăng 15,2% về lượng nhưng do giá xuất khẩu giảm nên trị giá xuất khẩu giảm 6,4% so với cùng kỳ năm 2020.

- *Nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục đóng vai trò quan trọng, đóng góp chính vào tăng trưởng* xuất khẩu chung của cả nước khi chiếm tỷ trọng 86,1% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Cụ thể, trong 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này ước tính đạt 230,69 tỷ USD, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước (9 tháng tăng 20,8% so với cùng kỳ năm trước).

*Các mặt hàng trong nhóm ngành chế biến chế tạo có đóng góp lớn vào mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu là:* sắt thép các loại, với kim ngạch xuất khẩu ước đạt 9,65 tỷ USD, tăng 132% so với cùng kỳ năm trước (tăng 40,1% về lượng); máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng khác ước đạt 29,57 tỷ USD, tăng 39,7% (tăng 13,1% về lượng); gỗ và sản phẩm gỗ, ước đạt 11,89 tỷ USD, tăng 21,4%; hàng dệt và may mặc ước đạt 25,86 tỷ USD, tăng 4,5%; giầy dép các loại ước đạt 14,06 tỷ USD, tăng 3,9%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 41,16 tỷ USD, tăng 13%; điện thoại các loại và linh kiện ước đạt 46,22 tỷ USD, tăng 9,6%; Phương tiện vận tải và phụ tùng ước đạt 8,55 tỷ USD, tăng 18,3%.

Chỉ có số ít mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước, như: túi xách, vali, mũ, ô dù ước đạt 2,38 tỷ USD, giảm 7,1%; Bánh kẹo và các SP từ ngũ cốc, giảm 3,89%; Đá quý và kim loại quý, giảm 74,3%.

*c) Về thị trường xuất khẩu*

Trong10 tháng năm 2021, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta khi chiếm tỷ trọng 28,37% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, với kim ngạch ước tính đạt 76,02 tỷ USD, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là thị trường Trung Quốc với kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 44,68 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 16,67% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; Thị trường EU ước tính đạt 31,7 tỷ USD, tăng 8,9% và chiếm tỷ trọng 11,83% xuất khẩu của cả nước; Thị trường ASEAN ước đạt 23,03 tỷ USD, tăng 21,2%, chiếm 8,6% xuất khẩu cả nước; Thị trường Hàn Quốc ước đạt 17,9 tỷ USD, tăng 11,2%; Thị trường Nhật Bản ước đạt 16,09 tỷ USD, tăng 2,2%.

***3.2. Về nhập khẩu***

*a) Về kim ngạch nhập khẩu*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trong tháng 10 ước tính đạt 26,2 tỷ USD, giảm 1,7% so với tháng trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 8,6 tỷ USD, tăng 3,4% (tháng 9 giảm 6,3%); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 17,6 tỷ USD, giảm 4,1% (tháng 9 giảm 1,5%). So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10 ước tăng 8,1%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 2,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 11,2%.

Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 269,38 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 92,5 tỷ USD, tăng 22,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 176,88 tỷ USD, tăng 31,3%.

*b) Về nhóm hàng nhập khẩu*

*- Nhóm hàng cần nhập khẩu:* Kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng này trong tháng 10 ước đạt 23,52 tỷ USD, giảm 2,8% so với tháng trước nhưng tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này ước đạt 239,32 tỷ USD, tăng 28,8% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 88,8% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

Kim ngạch nhập khẩu hầu hết các mặt hàng trong nhóm này trong 10 tháng đều tăng so với cùng kỳ năm trước như: Hạt điều tăng 167,7% (tăng 127% về lượng); quặng và khoáng sản khác tăng 139% (tăng 44,1% về lượng); cao su các loại tăng 115,9% (tăng 98,6% về lượng); khí đốt hóa lỏng tăng 57,1% (mặc dù chỉ tăng 7,8% về lượng); sản phẩm hóa chất tăng 41,4%; phân bón tăng 42,5% (riêng phân ure tăng 455,3%); chất dẻo nguyên liệu tăng 48,3%; thép các loại tăng 45,4% (riêng phôi thép tăng 265,8%); giấy các loại tăng 29,4%; Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 17%; Nguyên phụ liệu dệt may, da giày tăng 19,7%; vải các loại tăng 21,3%; bông các loại tăng 41,9%; Xăng dầu các loại tăng 16,9%; Dầu thô tăng 19,3%; thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 29,6%; Thủy sản tăng 11,7%...

*- Nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu:* Trong 10 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này ước đạt 16,19 tỷ USD, tăng 24,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong nhóm hàng này, kim ngạch nhập khẩu rau quả tăng 14,6%; bánh kẹo và sản phẩm ngũ cốc tăng 28,4%, ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ tăng 47,2%, Phế liệu sắt thép tăng 78,7%; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 58,3%...

*c) Về thị trường nhập khẩu*

Trong 10 tháng năm 2021, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 89,43 tỷ USD, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 33,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Tiếp theo là các thị trường gồm: Hàn Quốc đạt 45,52 tỷ USD, tăng 21,4%; ASEAN đạt 32,998 tỷ USD, tăng 34,8%; Nhật Bản đạt 18,04 tỷ USD, tăng 9%; EU đạt 13,76 tỷ USD, tăng 15,9%; Hoa Kỳ đạt 12,9 tỷ USD, tăng 13,5%.

***3.3. Cán cân thương mại***

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 10 ước tính xuất siêu 1,1 tỷ USD.

Tính chung 10 tháng năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa ước nhập siêu 1,45 tỷ USD. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 22,7 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 21,28 tỷ USD.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nhập siêu trong 10 tháng năm 2021 là do: (i) Kinh tế thế giới phục hồi nhu cầu tăng, các doanh nghiệp của ta đã tăng lượng nhập khẩu nguyên vật liệu để phục vụ cho sản xuất; (ii) Giá cả hàng hóa thế giới tăng nên giá nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất tăng cao, góp phần tăng kim ngạch nhập khẩu nước ta; (iii) Giá cước vận tải biển tăng cũng làm tăng chi phí, tăng trị giá nhập khẩu; (iv) Xuất khẩu lại giảm tốc từ tháng 6.

Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đang có những thuận lợi khi ta đang khai thác hiệu quả các Hiệp định FTA và nhu cầu thị trường đang tăng vào dịp mua sắm cuối năm, đặc biệt là nhóm hàng ta có lợi thế.

Từ nay đến cuối năm để thúc đẩy xuất khẩu, Bộ Công thương đã và đang tập trung các giải pháp củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa lợi thế từ các FTA đã có hiệu lực; hướng dẫn doanh nghiệp chú trọng vào các thị trường nhỏ và thị trường ngách. Đồng thời, tăng cường quản lý xuất khẩu, nhập khẩu một số mặt hàng chiến lược; làm việc với Đại sứ quán Trung Quốc đề nghị tạo thuận lợi cho hoạt động thông quan, xuất khẩu hàng hóa qua cửa khẩu biên giới phía Bắc. Bên cạnh đó, tiếp tục đổi mới, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu cả trong và ngoài nước trên môi trường trực tuyến và dựa trên những nền tảng mới.

**4. Về thị trường trong nước**

Trong tháng 10, tình hình dịch Covid-19 tại nhiều địa phương cơ bản được kiểm soát, các địa phương đã ban hành các quy định điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế trong trạng thái bình thường mới.

Tại một số địa phương, nhiều chợ truyền thống được dần hoạt động trở lại với điều kiện bảo đảm an toàn phòng, chống dịch. Các hoạt động đi lại, lưu thông, phân phối hàng hóa được thuận lợi, thông suốt hơn; dịch vụ kinh doanh ăn uống mang về hoặc bán tại chỗ (tùy từng địa phương) cũng được hoạt động trở lại. Thị trường hàng hóa sôi động hơn so với thời gian thực hiện giãn cách trước đó, nhu cầu hàng may mặc tăng cao do đang trong giai đoạn chuyển mùa tại các tỉnh phía Bắc; nhu cầu đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình, vật phẩm văn hóa giáo dục cũng tăng sau một thời gian dài thực hiện giãn cách… nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (TMBLHH & DTDV) đã có sự tăng trưởng tốt. TMBLHH & DTDV trong tháng 10 tăng 18,5% so với tháng trước nhưng vẫn giảm 19,52% so với cùng kỳ năm trước.

Do tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong 9 tháng đã ở mức thấp (tăng trưởng âm) do ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước, nhất là các địa phương lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Đồng Nai, Khánh Hòa (tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các địa phương này chiếm tỷ trọng 50-60% của cả nước) nên tính chung 10 tháng năm 2021, TMBLHH & DTDV ước tính giảm 8,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 10 tháng, bán lẻ hàng hóa vẫn là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 82,8%; lưu trú và ăn uống chiếm 8,3%; ngành du lịch chỉ chiếm 0,1% và các ngành dịch vụ khác chiếm 8,8%.

**II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM**

 **1. Về phát triển sản xuất công nghiệp**

- Tiếp tục triển khai khẩn trương, quyết liệt, thống nhất từ Trung ương đến địa phương các nội dung hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” và các hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải nhằm bảo đảm tối đa lưu thông hàng hóa, lao động trở lại phục vụ việc phục hồi các hoạt động sản xuất sau dịch bệnh, tránh tình trạng “cát cứ”, không thống nhất gây khó khăn cho việc phục hồi các chuỗi cung ứng về hàng hóa và lao động cho sản xuất.

- Bảo đảm cung ứng đầy đủ nguyên vật liệu, năng lượng để đáp ứng yêu cầu phục hồi sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án công nghiệp quan trọng; hỗ trợ tối đa các nhà máy duy trì và khôi phục sản xuất để giữ đơn hàng, chuỗi cung ứng.

- Thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong và ngoài nước (từ các cơ hội thị trường xuất khẩu do các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mang lại), thương mại điện tử, kết nối giữa nhà sản xuất và các nhà phân phối, tiêu thụ.

*Trong dài hạn* cần thống nhất nguồn lực từ Trung ương đến địa phương tập trung đầu tư, phát triển các dự án công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp nền tảng, các ngành sản xuất xuất khẩu chủ lực như công nghiệp vật liệu, công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, ô tô, dệt may, da - giày, điện - điện tử, chế biến thực phẩm...

Tập trung hỗ trợ nâng cao năng lực các doanh nghiệp công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ thông qua các giải pháp hỗ trợ về tín dụng, nguồn nhân lực, khoa học và côn nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường; cũng như các ưu đãi về thuế và đất đai theo quy định của pháp luật.

Xây dựng chính sách thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài các dự án công nghiệp quy mô lớn, có gắn với chuyển giao và làm chủ công nghệ, tận dụng đối đa dòng vốn dịch chuyển trong thời gian tới.

Tăng cường hợp tác quốc tế, xúc tiến thị trường ngoài nước tận dụng tối đa cơ hội từ các quốc gia có Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam để thúc đẩy xuất khẩu các ngành hàng chủ lực, liên kết doanh nghiệp trong nước và các chuỗi sản xuất toàn cầu.

 **2. Về xuất nhập khẩu**

- Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh và trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia để tham mưu Chính phủ các giải pháp điều hành ứng phó với các yếu tố bất lợi.

- Chú trọng công tác triển khai thực hiện các Hiệp định thương mại tự do nói chung, nhất là các FTA thế hệ mới như Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA nhằm phát huy có hiệu quả ưu đãi của Hiệp định, từ đó tận dụng tối đa các cơ hội và hạn chế các thách thức đặt ra từ những Hiệp định này.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022.

- Tiếp tục đổi mới, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu cả trong và ngoài nước trên môi trường trực tuyến và dựa trên những nền tảng mới.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các địa phương thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics, giảm các chi phí khai thác hạ tầng vận tải, chi phí logistics trong các hoạt động xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hóa trong nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đơn giản hóa thủ tục hành chính. Trong đó, tập trung triển khai các thủ tục hành chính về lĩnh vực xuất nhập khẩu theo Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN,… để tạo thuận lợi cho Hiệp hội và doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

 **3. Về phát triển thị trường trong nước**

- Đẩy mạnh lưu thông phân phối hàng hóa nhằm bảo đảm cung ứng nguồn hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu người dân giữa các địa phương;

- Triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng trong nước như: tổ chức tháng khuyến mại trên toàn quốc, các chương trình bán hàng lưu động, chương trình bình ổn thị trường…;

- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu và xúc tiến thương mại thị trường trong nước;

- Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử trong hoạt động lưu thông, phân phối hàng hóa;

- Tiếp tục triển khai các chương trình, Đề án và Chiến lược phát triển thị trường trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1. Khu vực châu Á, các con số này lần lượt là 55,81%, 41,03% và 14,78%. Trong khu vực ASEAN, 4 nước có mức độ bao phủ tiêm chủng vắc xin cao, khoảng 80% dân số gồm: Campuchia (80,60% dân số, 76,52% dân só tiêm đủ 2 liều và 4,08% dân số tiêm 1 liều), Singapore (80,58%, 79,63% dân số tiêm đủ 2 liều và 0,95%), Brunei (78,63%, 54,6% và 24,03%) và Malaysia (77,46%, 72,94% và 4,52%). [↑](#footnote-ref-1)